

TÓM TẮT BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH AN GIANG
LẦN THỨ I, NHIỆM KỲ 2025 - 2030

**Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện;
phát huy truyền thống đoàn kết; tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại;
phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; huy
động mọi nguồn lực xây dựng tỉnh An Giang phát triển nhanh,
bền vững, cùng đất nước bước vào kỷ nguyên mới.**

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH, NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

Với sự quan tâm, lãnh đạo sâu sát của Trung ương, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự đoàn kết, đồng lòng, nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng bộ, Nhân dân và doanh nghiệp tỉnh đã phát huy những kết quả đạt được, khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức, đạt được nhiều thành tựu quan trọng, các chỉ tiêu cơ bản hoàn thành và vượt so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra.

I- KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NHIỆM KỲ 2020 - 2025

1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

1.1. Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức được tăng cường

Công tác xây dựng Đảng về chính trị được chú trọng. Bản lĩnh chính trị, trình độ lý luận, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, ngày càng được nâng cao; dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương.

Công tác tư tưởng tiếp tục được đổi mới, chủ động, hiệu quả; công tác tuyên truyền, định hướng dư luận được tăng cường. Việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng có chuyển biến tích cực. Công tác xây dựng Đảng bộ về đạo đức trở thành việc làm thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng và là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của mỗi cán bộ, đảng viên.

1.2. Công tác xây dựng Đảng về tổ chức được đẩy mạnh

Đảng bộ tỉnh An Giang (mới) được thành lập theo Quyết định số 328-QĐ/TW, ngày 18/6/2025 của Bộ Chính trị trên cơ sở hợp nhất 02 Đảng bộ tỉnh

Kiên Giang và Đảng bộ tỉnh An Giang trước đây. Sau hợp nhất Đảng bộ tỉnh hiện có 107 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy với 931 tổ chức cơ sở đảng (420 đảng bộ cơ sở, 511 chi bộ) và 131.548 đảng viên.

Các cấp ủy đảng nghiêm túc triển khai chủ trương, nghị quyết của Trung ương về tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Chính sách cán bộ được thực hiện kịp thời, đồng bộ. Công tác cán bộ được chú trọng toàn diện, đảm bảo khách quan, minh bạch, đúng quy trình.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được tăng cường. Công tác phát triển đảng viên vượt chỉ tiêu nghị quyết, chú trọng chất lượng.

1.3. Đổi mới mạnh mẽ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

Chủ động bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị, tích cực triển khai thực hiện khá toàn diện các mặt công tác kiểm tra, giám sát. Thực hiện nghiêm túc các kết luận, chỉ đạo của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các cấp ủy địa phương, đơn vị, đổi mới việc xây dựng nghị quyết ngắn gọn, sát thực tiễn và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Công tác phối hợp trong thực hiện kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng được thực hiện kịp thời, hiệu quả.

1.4. Tăng cường đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Các cấp ủy, tổ chức đảng đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, sâu rộng trong hệ thống chính trị và toàn xã hội thực hiện tốt các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Việc xử lý nghiêm các vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực được Nhân dân và xã hội đồng tình, ủng hộ; ý thức, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực thi công vụ chuyển biến tích cực hơn; kịp thời khắc phục những sơ hở, bất cập trong công tác quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực, nhất là những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

1.5. Đẩy mạnh công tác dân vận, tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân

Cấp ủy các cấp thực hiện tốt quy chế công tác dân vận trong hệ thống chính trị. Chính quyền các cấp triển khai nhiều chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường đối thoại, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trên các lĩnh vực.

Quy chế dân chủ cơ sở được cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, các ngành, các cấp quan tâm, vận dụng sáng tạo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Triển khai thực hiện tốt phong trào “Dân vận khéo” đi vào chiều sâu, thiết thực.

1.6. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị

Phương thức lãnh đạo cấp ủy đảng ngày càng khoa học, dân chủ, nêu gương, sâu sát thực tiễn, nhất là phát huy vai trò người đứng đầu cấp ủy.

Phong cách làm việc của các cấp ủy ngày càng nề nếp, khoa học, bám sát quy chế và nguyên tắc tập trung dân chủ; kịp thời xử lý những phát sinh trên các lĩnh vực. Các ủy viên ban thường vụ, cấp ủy viên các cấp dành thời gian nắm và chỉ đạo cơ sở, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các ngành, địa phương.

Vai trò lãnh đạo của Đảng được nâng cao; thực hiện đoàn kết, thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, dựa vào Nhân dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

1.7. Xây dựng bộ máy chính quyền và cải cách hành chính

Hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và triển khai chính quyền 02 cấp, bước đầu hoạt động ổn định. Sau hợp nhất, tỉnh An Giang (mới) có 102 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 85 xã, 14 phường và 03 đặc khu.

Tổ chức bộ máy chính quyền các cấp được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Hội đồng nhân dân các cấp phát huy tốt vai trò là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương.

Ủy ban nhân dân các cấp chủ động đổi mới phương thức quản lý, điều hành; thể hiện rõ vai trò kiến tạo phát triển, phục vụ Nhân dân và đồng hành cùng doanh nghiệp.

1.8. Thực hiện tốt nhiệm vụ công tác tư pháp

Phối hợp xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ tư pháp đạt chuẩn về trình độ, nghiệp vụ, chính trị; nâng lên năng lực điều tra, xử lý tội phạm, không để oan sai, bỏ lọt tội phạm. Thực hiện tốt công tác tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường

2.1. Quy mô nền kinh tế được mở rộng, đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh

Giai đoạn 2021 - 2025, kinh tế của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân 5 năm đạt 5,68%; quy mô nền kinh tế tiếp tục mở rộng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Mặc dù tốc độ tăng trưởng GRDP chưa đạt đầy đủ kỳ vọng do tác động kéo dài của đại dịch và những bất ổn kinh tế toàn cầu, song vẫn duy trì được đà phục hồi ổn định. GRDP bình quân đầu người tăng đều qua các năm.

Tổng thu ngân sách tăng khá, bảo đảm nguồn lực cho đầu tư phát triển và an sinh xã hội.

2.2. Phát triển kinh tế biển, kinh tế biên mậu được đẩy mạnh

Phát triển kinh tế biển, kinh tế biên mậu được xác định là hai trụ cột chiến lược và được tỉnh tập trung triển khai đồng bộ. Kinh tế biển có nhiều chuyển biến tích cực, nhất là trong lĩnh vực du lịch - dịch vụ biển, nuôi trồng thủy sản và vận tải biển; hạ tầng ven biển được đầu tư ngày càng đồng bộ, kết nối hiệu quả giữa đất liền với các đảo. Các sản phẩm chủ lực như du lịch biển, nuôi biển công nghệ cao và xuất khẩu thủy sản tăng trưởng mạnh, đóng góp quan trọng vào cơ cấu kinh tế vùng ven biển.

2.3. Chú trọng lập và tổ chức thực hiện quy hoạch, quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ

Quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt và triển khai thực hiện, làm cơ sở định hướng chiến lược cho phát triển không gian kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.4. Xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi để thu hút đầu tư, quan tâm phát triển kinh tế tư nhân, đẩy mạnh liên kết vùng

Tỉnh đã xác định xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, minh bạch, hiệu quả là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời cụ thể hóa Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị và các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về phát triển kinh tế tư nhân.

2.5. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tỉnh đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và quản lý nhà nước, tích cực triển khai Đề án 06 về “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”. Việc cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp để triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Các cấp, ngành chủ động phối hợp đẩy mạnh chuyển đổi số trên tất cả lĩnh vực và đạt nhiều kết quả quan trọng.

2.6. Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường được tăng cường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, sạt lở bờ biển, bờ sông

Quản lý chặt chẽ tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, tập trung quản lý đất công và các nguồn tài nguyên trên địa bàn tỉnh. Cung cấp nguồn cát phục vụ Dự án đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Lộ Tẻ - Rạch Sỏi, Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu, Đường Hồ Chí Minh phía Đông, các dự án phục vụ APEC theo cơ chế đặc thù được Quốc hội, Chính phủ cho phép và các công trình giao thông trọng điểm trên địa bàn.

3. Phát triển văn hóa, xã hội, con người

3.1. Đầu tư phát triển văn hóa

Phát huy giá trị và sức mạnh văn hóa, con người, truyền thống cách mạng của tỉnh. Công tác quản lý và thực hiện quy hoạch, đầu tư, tôn tạo, tu bổ các di sản

văn hóa được tăng cường; đã đầu tư xây dựng hoàn thành nhiều công trình văn hóa, lịch sử.

3.2. Phong trào thể dục, thể thao

Phong trào thể dục, thể thao “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” thực hiện hiệu quả, tỷ lệ người dân tham gia rèn luyện sức khỏe ngày càng tăng. Thể thao thành tích cao tiếp tục giữ vững thành tích trong nước và quốc tế.

3.3. Giáo dục được quan tâm đầu tư gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển

Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, từng bước hình thành tiền đề quan trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh. Cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học được tăng cường đầu tư và ngày càng hoàn thiện, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia tăng nhanh, đạt 60%; huy động học sinh đến trường đạt kết quả cao, với tỷ lệ trẻ trong độ tuổi từ 6 - 14 tuổi đến trường đạt 94,58%.

3.4. Y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân tiếp tục được ưu tiên hàng đầu

Mạng lưới y tế tiếp tục được củng cố, hoàn thiện và phát triển theo định hướng chuyên khoa hóa tuyến tỉnh và y tế phổ cập tại tuyến cơ sở. Cơ sở vật chất được đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo, thiết bị y tế từ tuyến tỉnh đến tuyến y tế cơ sở. Phát triển nguồn nhân lực y tế tuyến cơ sở, 100% trạm y tế tuyến xã có bác sĩ làm việc.

3.5. Lao động, việc làm, an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững được triển khai hiệu quả

Các chế độ, chính sách đối với người nghèo, người có công và đối tượng chính sách được quan tâm và hỗ trợ kịp thời; đẩy mạnh thực hiện tốt công tác giảm nghèo đa chiều bền vững. Đời sống nhân dân được cải thiện, nâng lên, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2020 từ 1,9% giảm còn 0,91%. Hưởng ứng Phong trào thi đua “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước trong năm 2025”, tỉnh đã quyết liệt triển khai và hoàn thành hỗ trợ xây mới, sửa chữa 9.082 căn nhà, qua đó giúp cho người dân có được mái ấm kiên cố và khang trang hơn.

Triển khai, đa dạng hóa các giải pháp hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 74%, trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 17,55%; việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới có sự chuyển biến tích cực. Công tác vận động người dân tham gia bảo hiểm xã hội được chú trọng (17,33%), tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt khá cao (95%).

4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

4.1. Xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, an ninh quốc gia

Công tác quân sự, quốc phòng địa phương được Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện đồng bộ, xây dựng lực lượng quân sự theo hướng tinh, gọn, mạnh, chính quy, tinh nhuệ. Tập trung xây dựng các tiềm lực trong khu vực phòng thủ; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội và công tác đối ngoại quốc phòng.

4.2. Thực hiện có hiệu quả quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh

Công tác bảo vệ an ninh biên giới, an ninh trên biển, an ninh chính trị nội bộ, an ninh truyền thông, an ninh kinh tế, an ninh mạng, an ninh xã hội, an ninh trong vùng tôn giáo, dân tộc và an ninh du lịch; phòng, chống tội phạm được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và đạt được những kết quả quan trọng, nhất là các địa bàn trọng điểm như Phú Quốc. Hiệu quả lý nhà nước về an ninh trật tự tiếp tục được nâng lên, tỉnh đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, dữ liệu dân cư trong quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, phục vụ chuyên đổi số quốc gia; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, tạo môi trường hòa bình, ổn định, thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4.3. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được mở rộng và đạt hiệu quả

Hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế, liên kết vùng tiếp tục đẩy mạnh, thiết thực và hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và khẳng định vị thế của tỉnh. Các hoạt động đối ngoại của cấp ủy đảng, ngoại giao chính quyền, đối ngoại nhân dân và hợp tác phát triển kinh tế - xã hội được tăng cường.

5. Kết quả thực hiện các khâu đột phá và các chương trình trọng tâm nhiệm kỳ 2020 - 2025

5.1. Kết quả thực hiện các khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội

(1) Công tác cải cách hành chính được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, đạt kết quả tích cực

Nhiều giải pháp hiện đại hóa nền hành chính, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số được triển khai thực hiện, góp phần mang lại hiệu quả. Thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp để cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, công khai, minh bạch cho các nhà đầu tư, không phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế, đảm bảo phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế.

(2) Tăng cường huy động, khơi thông nguồn lực, tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại

Đa số các công trình, dự án trọng điểm được tập trung đầu tư xây dựng hoàn thành và phát huy hiệu quả. Phối hợp tốt với Bộ Xây dựng và các đơn vị có liên quan triển khai các công trình giao thông trọng điểm quốc gia qua địa bàn tỉnh, góp

phân phát triển hạ tầng giao thông đồng bộ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Đã thực hiện và hoàn thành nhiều dự án hạ tầng giao thông trọng điểm có tính liên kết vùng, sức lan tỏa, kết nối với các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, khu du lịch, các trung tâm thương mại và đô thị, các vùng sản xuất trên địa bàn tỉnh.

(3) Công tác phát triển nguồn nhân lực được quan tâm, chất lượng, số lượng nhân lực trên các lĩnh vực cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng ngày càng nâng cao về trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm, tạo ra sự chuyển biến tích cực trong hoạt động của hệ thống chính trị.

5.2. Thực hiện có hiệu quả các Chương trình trọng tâm của tỉnh

Các cấp, các ngành tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai 05 Chương trình kinh tế - xã hội trọng tâm là: *(1) Chương trình phát triển đô thị; (2) Chương trình phát triển nguồn nhân lực; (3) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; (4) Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; (5) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.* Việc thực hiện có hiệu quả các Chương trình trọng tâm đã góp phần hoàn thành nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội quan trọng của tỉnh.

6. Nguyên nhân của những kết quả đạt được

Một là, sự quan tâm sâu sát, chỉ đạo kịp thời của Trung ương Đảng, Chính phủ, cũng như sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ban, ngành Trung ương với chính quyền địa phương.

Hai là, sự đoàn kết, thống nhất và quyết tâm chính trị cao của toàn Đảng bộ, chính quyền, hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh.

Ba là, sự lãnh đạo, chỉ đạo linh hoạt, sáng tạo, quyết liệt của cấp ủy, chính quyền các cấp; đặc biệt trong giai đoạn đại dịch Covid-19, đã huy động sự chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị và Nhân dân, giúp địa phương vượt qua nhiều khó khăn, thách thức.

Bốn là, các cơ chế, chính sách của Trung ương được vận dụng phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; công tác cải cách hành chính, thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp có chuyển biến tích cực.

II- HẠN CHẾ, TỒN TẠI TRONG NHIỆM KỲ 2020 - 2025

1. Hạn chế, tồn tại

1.1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị có lúc, có nơi chưa được coi trọng đúng mức. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế; công tác tự kiểm tra, phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở một số cơ quan, tổ chức, đơn vị vẫn còn là khâu yếu. Tính tiên phong, gương mẫu, ý thức trách nhiệm, sự tâm huyết của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa cao, công tác quản lý đảng viên ở một số nơi còn hạn chế.

Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình có lúc, có nơi còn hình thức, chưa đi vào chiều sâu. Công tác phối hợp giữa Mặt trận với chính quyền, các tổ chức thành viên có nhiều đổi mới, nhưng vẫn còn một số lĩnh vực bức xúc của Nhân dân chưa được phát hiện, giải quyết kịp thời. Một số cuộc vận động, phong trào thi đua hiệu quả chưa cao, nhân rộng điển hình còn chậm.

1.2. Phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường

Một số chỉ tiêu phát triển chưa đạt so với Nghị quyết Đại hội đề ra. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm, phát triển kinh tế thiếu tính bền vững, chất lượng tăng trưởng chưa cao, các động lực tăng trưởng mới như kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, đổi mới sáng tạo chưa phát huy tốt, chưa có đóng góp nhiều cho mức tăng trưởng chung của tỉnh.

Tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, đầu tư cho ứng dụng khoa học công nghệ còn hạn chế, chưa phát huy hiệu quả. Công tác quản lý tài nguyên, đặc biệt là cát, đá xây dựng có lúc chưa chặt chẽ, dễ xảy ra sai phạm, có nơi khá nghiêm trọng.

1.3. Phát triển văn hóa, xã hội, con người

Giáo dục và đào tạo thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động. Tình trạng quá tải ở một số bệnh viện chưa được khắc phục. Chất lượng khám, chữa bệnh chưa cao, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, xã đảo, vùng dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn. Tỷ lệ bác sĩ/vạn dân chưa đạt mức bình quân chung của cả nước.

Đầu tư cho văn hóa chưa đúng mức, còn dàn trải, hiệu quả chưa cao, công nghiệp văn hóa còn hạn chế. Chưa có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn, đẩy lùi sự xuống cấp về một số mặt văn hóa, đạo đức, lối sống, gây bức xúc xã hội.

1.4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Công tác dự báo, đánh giá tình hình trên một số lĩnh vực, địa bàn có mặt chưa sâu sát, kịp thời. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc từng lúc, từng nơi chưa mạnh. Công tác phòng ngừa, đấu tranh một số loại tội phạm, nhất là tội phạm hoạt động trên tuyến, địa bàn giáp ranh, trên biển có thời điểm còn hạn chế; đấu tranh với hoạt động chống phá trên không gian mạng còn khó khăn. Tai nạn giao thông, cháy, nổ tuy được kiểm chế, kéo giảm, nhưng chưa thật sự bền vững, thiệt hại về người và tài sản vẫn còn ở mức cao. An ninh trật tự ở nông thôn, biên giới, vùng biển có lúc còn diễn biến phức tạp.

Công tác ngoại giao kinh tế, văn hóa chưa đáp ứng tốt yêu cầu. Việc kêu gọi thu hút đầu tư vào địa bàn tỉnh chưa quyết liệt; hoạt động xúc tiến để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và việc hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp địa phương còn hạn chế.

2. Nguyên nhân của hạn chế, tồn tại

2.1. Nguyên nhân khách quan

Một là, trong nhiệm kỳ qua, đại dịch Covid-19, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, đã có tác động không nhỏ đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp.

Hai là, tình hình kinh tế, chính trị quốc tế diễn biến phức tạp; các vấn đề an ninh phi truyền thống; bất ổn tại các thị trường xuất khẩu lớn, đã tác động bất lợi đến xuất khẩu hàng hóa của cả nước nói chung và của tỉnh nói riêng.

Ba là, việc triển khai các dự án đầu tư công còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, đặc biệt là trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, thiếu quỹ đất sạch, khan hiếm nguồn vật liệu xây dựng như mỏ đất đắp, mỏ cát, đá... làm chậm tiến độ một số công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Một là, công tác phối hợp giữa một số sở, ban, ngành và địa phương có lúc, có nơi còn thiếu đồng bộ, chưa chặt chẽ, nhịp nhàng.

Hai là, khả năng nhận định, đánh giá tình hình của một số cấp ủy, chính quyền chưa sát thực tế diễn ra; có lúc chưa lường trước những khó khăn, vướng mắc và tình huống phát sinh trong quá trình triển khai, dẫn đến lúng túng, bị động. Việc tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư còn chậm, thiếu quyết liệt; một số nhiệm vụ được giao chưa đảm bảo tiến độ, ảnh hưởng đến hiệu quả chỉ đạo, điều hành.

Ba là, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền ở một số ngành, lĩnh vực, địa phương có lúc chưa quyết liệt, còn biểu hiện lúng túng, thiếu tập trung. Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở một số nơi chưa thường xuyên, thiếu đồng bộ và chưa phát huy đầy đủ sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị.

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

Nhiệm kỳ qua, mặc dù chịu tác động rất lớn từ đại dịch Covid-19 và sự bất ổn của kinh tế, chính trị thế giới, song với sự chỉ đạo sâu sát của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, sự điều hành linh hoạt và hiệu quả của Ủy ban nhân dân tỉnh, sự vào cuộc mạnh mẽ và quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, sự ủng hộ, đồng lòng của người dân, doanh nghiệp trong tỉnh đã vượt qua các khó khăn, thách thức, thực hiện đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện luôn được đặc biệt quan tâm, nhất là xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên. Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đã

phục hồi tốt và có nhiều khởi sắc. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng thương mại, dịch vụ ngày càng tăng lên trong GRDP. Đô thị hóa phát triển mạnh ở các khu vực như Rạch Giá, Châu Đốc, Phú Quốc.

Vẫn còn 03 chỉ tiêu chưa đạt so với Nghị quyết đề ra; còn có những cơ hội, tiềm năng của tỉnh chưa được nắm bắt và khai thác tốt; thu hút đầu tư có nơi còn khó khăn; kết cấu hạ tầng giao thông được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu phát triển. Công tác xây dựng Đảng vẫn còn một số mặt hạn chế nhất định cần được khắc phục trong nhiệm kỳ tới.

2. Những bài học kinh nghiệm

Một là, luôn giữ vững nguyên tắc, quy chế làm việc của cấp ủy và hệ thống chính trị. Phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

Hai là, phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển của đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân.

Ba là, giữ vững, củng cố và tăng cường sự đoàn kết, thống nhất giữa nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị.

Bốn là, mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước phải phục vụ Nhân dân. Kiên trì thực hiện phương châm Nhân dân là trung tâm, là chủ thể, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

Năm là, nhất quán thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững, tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP NHIỆM KỲ 2025 - 2030

I- BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH

1. Dự báo tình hình thế giới và trong nước

Cục diện thế giới đang chuyển biến nhanh, phức tạp chưa từng có theo hướng đa cực, đa trung tâm, đa tầng nấc và phân tuyến mạnh.

Bối cảnh trong nước, sau 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước được nâng lên. Tuy nhiên, tỉnh sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, có mặt gay gắt, nặng nề hơn.

2. Thuận lợi và thách thức

2.1. Về thuận lợi

Một là, tỉnh An Giang có vị trí địa chiến lược đặc biệt quan trọng, với đường bờ biển dài 200 km và tuyến biên giới hơn 148 km giáp Vương quốc Cam-pu-chia, địa hình đa dạng, thuận lợi giao thương quốc tế.

Hai là, không gian phát triển kinh tế được mở rộng với sự kết hợp hài hòa giữa đồng bằng, biên giới và biển đảo, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tổng hợp, phát triển đa ngành, đa lĩnh vực. An Giang có diện tích hơn 9.888 km² với đầy đủ các yếu tố “đồng bằng - rừng - biển”; “biên giới - nội địa”.

Ba là, các dự án hạ tầng giao thông, tạo bước “đột phá” cho vùng Đồng bằng Sông Cửu Long nói chung và tỉnh An Giang nói riêng đang được tập trung đầu tư hoàn thiện sẽ mở đường và tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bốn là, các điểm nghẽn về thể chế, cơ chế, chính sách về đầu tư, đất đai, nhà ở, thương mại - dịch vụ đang được hoàn thiện, những hạn chế, mâu thuẫn, chông chéo trước đây từng bước được khắc phục, môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng minh bạch, thông thoáng hơn.

Năm là, với vị trí chiến lược nằm trên tuyến hàng hải quốc tế và gần nhiều trung tâm kinh tế của khu vực Đông Nam Á, Đặc khu Phú Quốc có lợi thế lớn trong giao thương, du lịch và kết nối quốc tế.

Sáu là, toàn bộ khu vực Tứ giác Long Xuyên tạo ra dư địa phát triển rộng lớn hơn, phát huy ưu thế và khai thác lợi thế nhờ quy mô để phát triển các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản, tạo cơ hội cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội ngành nông nghiệp theo hướng gia tăng giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số vào sản xuất.

Bảy là, tỉnh An Giang có nhiều thế mạnh nổi bật để phát triển các lĩnh vực kinh tế xanh một cách toàn diện và bền vững. Với diện tích tự nhiên rộng lớn, đa dạng địa hình từ đồng bằng, sông ngòi đến biển đảo, tỉnh có điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh các mô hình nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, tiết kiệm tài nguyên và thân thiện với môi trường.

Tám là, tỉnh An Giang có thuận lợi lớn về tài nguyên văn hóa truyền thống. Đây là nơi sinh sống của các cộng đồng dân tộc với nhiều văn hóa đặc sắc như Kinh, Khmer, Chăm, Hoa... với những di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đa dạng.

Chín là, tỉnh An Giang đã, đang và sẽ nhận được sự ủng hộ quan tâm, đầu tư của Trung ương, là vựa lúa của cả nước, nơi đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, là địa bàn đặc biệt quan trọng khi có cả biên giới trên bộ và trên biển với Vương quốc Cam-pu-chia, có vị trí chiến lược trong vùng Đồng bằng Sông Cửu Long.

2.2. Về thách thức

(1) Thách thức lớn nhất là việc chuyển dịch cơ cấu các khu vực kinh tế còn chậm, ngành nông nghiệp vẫn còn chiếm tỷ trọng cao, trong khi đó tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng còn thấp. Điều này sẽ ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng của từng ngành cũng như toàn nền kinh tế. Hơn nữa, giá trị gia tăng trong từng ngành còn khá thấp, đặc biệt ở các ngành có lợi thế như sản xuất lúa gạo, thủy sản, du lịch.

(2) Thiên tai, biến đổi khí hậu tiếp tục ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Sạt lở bờ sông, diễn biến phức tạp, thời tiết cực đoan ảnh hưởng

đến sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản và các hoạt động kinh tế - xã hội của người dân. Các vùng ven biển đối mặt với xâm nhập mặn, sạt lở bờ biển, thiếu nước ngọt.

(3) Đối mặt với nhiều thách thức trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu. Sự tham gia của Việt Nam vào các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (EVFTA, CPTPP, RCEP) cùng biến động hậu Covid-19 và căng thẳng địa chính trị đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với sản phẩm nông - thủy sản của tỉnh.

(4) Với biên giới đất liền và biển dài, mật độ dân cư di biến động cao, tỉnh An Giang dễ bị ảnh hưởng bởi các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

(5) Cơ cấu lại kinh tế theo hướng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh và bền vững, kinh tế phát thải các-bon thấp, kinh tế số và kinh tế chia sẻ là xu thế tất yếu của thời đại. Tuy vậy, với đặc thù của tỉnh có truyền thống phát triển nông nghiệp, các mô hình kinh tế này còn mới mẻ, nên đòi hỏi cần có thời gian và nguồn lực (con người, tài nguyên thiên nhiên, tài sản, hệ thống chính trị, xã hội, thị trường...) để thực hiện. Các cơ chế đặc thù đối với những địa bàn đặc thù vẫn chưa được chú ý đủ mức.

(6) Doanh nghiệp phần lớn có quy mô nhỏ và vừa, trình độ công nghệ chưa cao, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, năng lực tài chính hạn chế và kinh nghiệm quản lý yếu kém, bộc lộ nhiều bất cập. Thiếu cơ chế, chính sách thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển; thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế biển, logistics, năng lượng tái tạo, kinh tế số và chuyển đổi số.

(7) Sự dịch chuyển lao động từ An Giang đến các tỉnh, khu vực Đông Nam bộ để tìm việc làm cao, gây hạn chế, thiếu hụt nguồn lao động cho tỉnh. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội mặc dù ngày càng được đầu tư mới, nâng cấp, mở rộng nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Trình độ dân trí còn nhiều hạn chế nên khả năng thu hút đầu tư cho phát triển các ngành kinh tế gặp nhiều khó khăn.

(8) Nhu cầu nguồn nguyên liệu xây dựng cho các công trình đầu tư trọng điểm của tỉnh rất lớn nhưng tiếp tục khan hiếm, chưa đáp ứng nhu cầu, chưa phát triển nguồn nguyên vật liệu thay thế đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn, kỹ thuật. Trong khi đó, do đặc điểm địa hình, địa chất đặc thù nên chi phí đầu tư xây dựng bị đẩy lên khá cao ảnh hưởng đến tính hấp dẫn của môi trường đầu tư.

II- QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN NHIỆM KỲ 2025 - 2030

Nhiệm kỳ 2025 - 2030, để triển khai thành công các chủ trương, đường lối của Đảng, cần quán triệt một số quan điểm: (1) Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm đột phá chiến lược cho sự phát triển; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại là trọng yếu, thường xuyên; (2) Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; (3) Phát triển tỉnh theo hướng xanh, số và hội nhập sâu, lấy chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế biển, kinh tế biên mậu và phát

triển du lịch làm động lực đổi mới mô hình tăng trưởng của tỉnh; (4) Tổ chức, sắp xếp không gian phát triển bảo đảm phát huy vị thế chiến lược của tỉnh với vùng Đồng bằng Sông Cửu Long; (5) Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; (6) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

III- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2030, An Giang là tỉnh phát triển khá của cả nước; là trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia; Đặc khu Phú Quốc đạt tầm cỡ quốc tế; Rạch Giá là trung tâm chính trị - hành chính, thương mại - dịch vụ, tổng hợp và chuyên ngành; vùng tứ giác Long Xuyên - Châu Đốc - Rạch Giá - Hà Tiên là động lực phát triển công nghiệp, logistics và du lịch văn hóa, sinh thái, trung tâm nghiên cứu phát triển giống và sản xuất nông nghiệp, thủy sản, dược liệu ứng dụng công nghệ cao; phát triển kinh tế biên mậu, đầu mối giao thương, hợp tác với Vương quốc Cam-pu-chia; có hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển đồng bộ, thích ứng với biến đổi khí hậu; chuyển đổi số trong hệ thống giáo dục, y tế thuộc nhóm đầu cả nước; các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy; quốc phòng, an ninh được giữ vững; đối ngoại chủ động, rộng mở; trật tự an toàn xã hội ổn định; an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Các chỉ tiêu kinh tế (10 chỉ tiêu): (1) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành đến năm 2030 đạt 630.370,27 tỷ đồng; (2) Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân 5 năm, đạt từ 11% trở lên; (3) GRDP bình quân đầu người đến năm 2030, đạt trên 6.300 đô la Mỹ trở lên; (4) Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đạt 30%; (5) Tổng thu ngân sách 5 năm đạt từ 145.000 - 175.000 tỷ đồng; (6) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm đạt 649.007 tỷ đồng; (7) Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP đạt 24,51%; (8) Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt trên 50%; (9) Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia đạt 99,54%; (10) Chỉ số Cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); chỉ số chuyển đổi số DTI; chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) nằm trong top 20 cả nước.

2.2. Các chỉ tiêu xã hội (18 chỉ tiêu): (1) Dân số toàn tỉnh đạt 3.755.949 người⁽¹⁾ (theo số liệu của Cục Thống kê); (2) Tuổi thọ trung bình đạt 75,5 tuổi, trong đó số năm sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm; (3) Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,75; (4) Giải quyết việc làm mới bình quân 40.000 lao động/năm; (5) Tỷ trọng lao động có việc làm trong nền kinh tế đạt 100%; (6) Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 79%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 35%; (7) Tỷ lệ thất

¹ Theo dữ liệu Quốc gia quản lý về dân cư là 4.952.238 người.

nghiệp dưới 3,6%; (8) Năng suất lao động (theo giá so sánh) đạt 138,43 triệu đồng/lao động; (9) Số bác sĩ bình quân trên 10.000 dân đạt 15 bác sĩ; (10) Số giường bệnh trên 10.000 dân đạt 35 giường; (11) Đến năm 2030, đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân và 100% người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 01 lần; (12) Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt trên 25%; (13) Tỷ lệ trường học phổ thông đạt chuẩn quốc gia đạt 80%; (14) Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều duy trì mức giảm bình quân 0,3 - 0,5%/năm; (15) Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng đạt trên 8,59 triệu đồng; (16) Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%; (17) Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đạt 100%; (18) Số lượng nhà ở xã hội hoàn thành 6.016 căn.

2.3. Các chỉ tiêu môi trường (05 chỉ tiêu): (1) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 8,9%; (2) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 100%; (3) Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%; (4) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%; (5) Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

2.4. Các chỉ tiêu xây dựng Đảng, dân vận (03 chỉ tiêu): (1) Tỷ lệ đảng viên, tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm trên 90%; (2) Số đảng viên được kết nạp đảng trong nhiệm kỳ 18.000 đảng viên trở lên; (3) Tỷ lệ tập hợp quần chúng vào các tổ chức chính trị - xã hội từ 60% số đối tượng trở lên.

IV- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Thực hiện phương châm “Một An Giang - Một tầm nhìn - Một ý chí - Một niềm tin thắng lợi”

Hệ thống chính trị, doanh nghiệp và Nhân dân cùng chung sức, chung lòng, thống nhất ý chí, phát huy sức mạnh hợp nhất, xây dựng tỉnh phát triển nhanh và bền vững, cùng chia sẻ một tầm nhìn rõ ràng, cùng hành động nhất quán, quyết tâm khắc phục những tồn tại, hạn chế, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã xác định.

2. Ưu tiên phát triển hai trục kết nối

(i) Trục dọc nội vùng: Đây là tuyến dọc xương sống để thúc đẩy phát triển kinh tế tổng hợp, để các địa bàn trọng tâm khác kết nối, phát triển - hướng đến kết nối với Hà Tiên, Phú Quốc. Nâng cấp quốc lộ 80 nối 2 đô thị Long Xuyên, Rạch Giá; tiến tới đầu tư tuyến cao tốc mới kết nối Long Xuyên, Rạch Giá. Nâng cấp phát triển tuyến quốc lộ N1 kết nối Hà Tiên - Tịnh Biên - Châu Đốc.

(ii) Trục ngang cao tốc: Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng: Tuyến ngang kết nối với các tỉnh trong vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, hướng ra cảng Trần Đề. Đây chính là tuyến khơi dậy nguồn lực, kết nối An Giang với các tỉnh trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long và Vương quốc Cam-pu-chia. Nâng cấp cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi, đồng thời phát triển tuyến song song Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu.

3. Tập trung thực hiện ba lĩnh vực trọng tâm

Một là, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Tập trung xây dựng Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Hai là, phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Tập trung thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học, kỹ thuật tiên tiến vào các hoạt động kinh tế - xã hội.

Ba là, phát triển văn hóa, con người An Giang đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước để sẵn sàng bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên và hạnh phúc của người dân.

4. Xây dựng và củng cố các trụ cột phát triển

(i) Đẩy mạnh đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực của toàn bộ nền kinh tế, trong đó đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào nông nghiệp, công nghiệp chế biến để nâng cao giá trị ngành nông nghiệp. Triển khai các giải pháp đột phá về phát triển giáo dục và đào tạo; tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực để tỉnh phát triển nhanh và bền vững.

(ii) Phát triển kinh tế tư nhân. Thu hút các doanh nghiệp tư nhân lớn vào các lĩnh vực ưu tiên phát triển của tỉnh. Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư, thu hút các nhà đầu tư chiến lược đầu tư vào vùng tứ giác Long Xuyên và đặc khu Phú Quốc.

(iii) Hoàn thiện thể chế phát triển, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật, nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động của bộ máy. Nhanh chóng hoàn thiện tổ chức bộ máy và nhân sự, đào tạo, phát triển nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý trong bối cảnh tỉnh mới.

(iv) Tăng cường hội nhập, hợp tác, liên kết vùng - quốc tế: *Một là*, liên kết với Vương quốc Cam-pu-chia qua phát triển kinh tế cửa khẩu. *Hai là*, liên kết với các tỉnh trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long và Thành phố Hồ Chí Minh qua các cao tốc và đường thủy, đường hàng không. *Ba là*, phát triển kinh tế biển ra biển Tây với sự dẫn dắt của Phú Quốc - Rạch Giá - Hà Tiên.

5. Thúc đẩy phát triển năm vùng động lực trọng điểm

(i) Rạch Giá: Trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế tổng hợp, kinh tế công nghiệp, kinh tế biển. Với vị trí chiến lược, nằm trên trục giao thông nối liền các tuyến huyết mạch như Lộ Tẻ - Rạch Sỏi và Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu, Rạch Giá có điều kiện thuận lợi để phát triển đồng bộ các lĩnh vực công nghiệp, thương mại - dịch vụ và kinh tế biển. Không chỉ là nơi tập trung các cơ quan hành chính, trung tâm giáo dục, y tế và dịch vụ chất lượng cao mà còn phát triển công nghiệp và logistics của tỉnh. Bên cạnh đó, với hệ thống cảng biển, bến tàu kết nối Phú Quốc, tiềm năng khai thác, nuôi trồng thủy sản và phát triển dịch vụ hậu cần biển, Rạch Giá có điều kiện để đẩy mạnh kinh tế biển theo hướng hiện đại, bền vững.

(ii) Phú Quốc: Phát triển đặc khu Phú Quốc thành trung tâm du lịch, thương mại tầm cỡ quốc tế, trong đó có các khu thương mại tự do; đáp ứng phát triển du lịch biển, văn hóa và trải nghiệm kết nối Phú Quốc. Với vị trí chiến lược nằm gần các trung tâm kinh tế lớn trong khu vực Đông Nam Á và nằm trên tuyến hàng hải quốc tế, Phú Quốc có lợi thế lớn về giao thương, du lịch và kết nối quốc tế. Hạ tầng giao thông ngày càng đồng bộ với sân bay quốc tế, cảng biển hiện đại và mạng lưới đường bộ hoàn chỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển toàn diện. Bên cạnh đó, Phú Quốc có hệ sinh thái tự nhiên phong phú, bãi biển đẹp, rừng nguyên sinh... rất phù hợp để phát triển du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái và vui chơi giải trí đẳng cấp cao.

(iii) Long Xuyên: Khu vực kinh tế tổng hợp năng động, với thế mạnh nổi bật là công nghiệp chế biến và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Với vai trò là đầu mối giao thương trong vùng Tứ giác Long Xuyên, Long Xuyên đang từng bước hình thành chuỗi giá trị sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản gắn với vùng nguyên liệu lớn và hệ thống logistics ngày càng hoàn thiện. Đặc biệt, Long Xuyên có lợi thế về kết nối hạ tầng khi vừa nằm dọc theo các tuyến đường thủy quan trọng, vừa được hưởng lợi trực tiếp từ tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và khả năng tiếp cận sân bay quốc tế Cần Thơ. Sự kết nối thuận tiện này không chỉ giúp Long Xuyên mở rộng không gian kinh tế mà còn tạo điều kiện để hướng mạnh về các trung tâm kinh tế lớn như Cần Thơ và Thành phố Hồ Chí Minh.

(iv) Châu Đốc: Trung tâm du lịch và kinh tế biên mậu. Với hệ thống sông ngòi - kênh rạch dày đặc cùng di sản văn hóa đặc sắc, Châu Đốc là trung tâm du lịch tâm linh, du lịch sinh thái. Châu Đốc còn là điểm giao thương quan trọng với Vương quốc Cam-pu-chia thông qua cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên, tạo lợi thế phát triển kinh tế biên mậu, thương mại và dịch vụ logistics. Nhiều mặt hàng nông sản, thủy sản, hàng tiêu dùng từ nội địa có thể được xuất khẩu sang thị trường Vương quốc Cam-pu-chia và ngược lại. Đặc biệt, tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng kết nối với Cảng biển Trần Đề sẽ mở rộng đáng kể không gian giao thương, giúp giảm chi phí logistics, rút ngắn thời gian vận chuyển hàng hóa và hành khách từ Châu Đốc ra biển và đến các trung tâm kinh tế lớn.

(v) Hà Tiên: Trung tâm kinh tế biển - du lịch - thương mại biên giới. Hà Tiên có tiềm năng trở thành trung tâm kinh tế biển - du lịch - thương mại biên giới quan trọng của vùng Tây Nam bộ, góp phần thúc đẩy liên kết vùng và hội nhập kinh tế quốc tế.

6. Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả sáu danh mục chương trình, đề án, dự án trọng tâm

(i) Đề án rà soát quy hoạch: Cập nhật và tổ chức thực hiện tốt quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trong đó, quy hoạch lại đặc khu Phú Quốc xứng tầm với yêu cầu, nhiệm vụ, mục tiêu đề ra trong thời gian tới, nhất là tổ chức tốt APEC - 2027 tại Phú Quốc.

(ii) Đề án phát triển Tứ giác Long Xuyên, đặc khu Phú Quốc, kinh tế cửa khẩu: Chú trọng cơ chế chính sách đặc thù để phát huy các lợi thế của các địa bàn. Đồng thời, hiện thực hóa các đề án phát triển đặc khu Phú Quốc. Đề án phát triển kinh tế biển An Giang trở thành địa bàn trọng tâm của kinh tế biển quốc gia. Trong đó, chú trọng đặc biệt với trọng tâm tam giác: Rạch Giá - Hà Tiên - Phú Quốc. Đề án chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh An Giang theo hướng nâng cao giá trị, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp. Xây dựng đề án bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

(iii) Đề án phát triển kinh tế tư nhân: Thu hút các doanh nghiệp tư nhân đến đầu tư vào An Giang. Xây dựng và đưa vào vận hành Chương trình thu hút các doanh nghiệp chiến lược đầu tư vào Phú Quốc và Tứ giác Long Xuyên.

(iv) Chương trình phát triển hạ tầng trên địa bàn tỉnh An Giang: Nhanh chóng hoàn thành và đưa vào sử dụng cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Cảng Trần Đề; tập trung nâng cấp cao tốc Vàm Cống - Rạch Sỏi; đẩy nhanh triển khai cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu. Nâng cấp tuyến đường Hà Tiên - Tịnh Biên - Châu Đốc và hướng về Tiền Giang - Thành phố Hồ Chí Minh. Xây dựng chương trình phát triển đô thị, đặc biệt là các đô thị TOD dọc theo các tuyến cao tốc và các sân bay Phú Quốc, Rạch Giá.

(v) Đề án phát triển nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển mới và bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa tỉnh An Giang.

(vi) Đề án thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên, đặc biệt là nông nghiệp và công nghiệp chế biến.

V- CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

(1) Tập trung phát triển kinh tế biển, trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia. Chú trọng phát triển du lịch biển, trọng tâm là đặc khu Phú Quốc với cơ chế đặc thù, vượt trội, trở thành đầu tàu, lan tỏa phát triển sang các vùng và các lĩnh vực khác; chú trọng phát triển các đô thị biển; ưu tiên phát triển hạ tầng cho phát triển kinh tế biển như hạ tầng giao thông, cảng biển; thúc đẩy phát triển nuôi biển.

(2) Hoàn thiện và nâng cấp kết cấu hạ tầng. *Một là*, hoàn thiện các cao tốc kết nối vùng, cảng, sân bay Phú Quốc, Rạch Giá và nghiên cứu xây dựng sân bay tại đặc khu Thổ Châu, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh. *Hai là*, phát triển các cảng biển và cảng sông đa năng, phục vụ logistics, xuất nhập khẩu và du lịch. *Ba là*, phát triển hạ tầng số, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

(3) Đột phá ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế; chuyển đổi số toàn diện mô hình quản trị, tập trung vào chính quyền số (phục vụ Nhân dân; phục vụ lãnh đạo, điều hành) và kinh tế số (phục vụ sản xuất kinh doanh, chú trọng công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm nông - lâm - thủy sản). Chú trọng đào tạo, thu hút và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao.

Ba đột phá cần được dẫn dắt bởi bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu, thực hiện tốt nhiệm vụ, có quyết tâm chính trị cao, sự đồng thuận và đoàn kết toàn hệ thống nhằm đưa An Giang phát triển đột phá, thực chất và bền vững.

VI- CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

1.1. Tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

(1) Phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân, quán triệt sâu sắc quan điểm “Dân là gốc”

Đẩy mạnh thực hiện dân chủ cơ sở, đảm bảo Nhân dân tham gia xây dựng, phản biện chính sách theo nguyên tắc “Dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Tăng cường đối thoại giữa cấp ủy, chính quyền với Nhân dân, nhất là tại các vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo.

(2) Phát huy truyền thống, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tôn giáo, địa bàn trong tỉnh. Tập trung ý chí, nguyện vọng của Đảng, Nhà nước, các cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp, người dân thực hiện phương châm “*Một An Giang - Một tầm nhìn - Một ý chí - Một niềm tin thắng lợi*”, đưa tỉnh An Giang phát triển cùng cả nước trong kỷ nguyên mới.

Đổi mới phương thức vận động Nhân dân, phát huy vai trò người có uy tín, trí thức, chức sắc tôn giáo và kiều bào An Giang trong xây dựng quê hương.

Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tập hợp, vận động, giám sát, phản biện xã hội. Nâng cao chất lượng Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân; củng cố mối quan hệ gắn bó giữa cán bộ, đảng viên với Nhân dân, theo phương châm: “Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, vì dân”.

1.2. Tiếp tục tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện

(1) Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị

Nâng cao trình độ lý luận, trí tuệ, bản lĩnh chính trị và vai trò nêu gương, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu trong toàn đảng bộ. Kiên quyết khắc phục những hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa và triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương.

Kiên định thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng.

(2) Coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng

Tiếp tục đổi mới toàn diện công tác tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời, hiệu quả; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục và sức thuyết phục trong

tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Các cấp ủy, tổ chức đảng chỉ đạo tăng cường công tác nắm bắt kịp thời chặt chẽ tư tưởng, dư luận xã hội và tình hình thực tế, tăng cường đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

(3) Tập trung xây dựng Đảng về đạo đức

Nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên về vai trò đặc biệt quan trọng, tính cấp bách của công tác xây dựng Đảng về đạo đức. Thực hiện nghiêm chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ phụng sự. Đề cao vai trò tiêu biểu nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; người chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, nghiêm túc tự soi, tự sửa, tự phê bình và phê bình, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và đoàn kết nội bộ.

(4) Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, đặc biệt là người đứng đầu

Tiếp tục tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới. Thực hiện nghiêm quy chế làm việc của cấp ủy; nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ.

Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Lựa chọn, bố trí phù hợp, đúng người thật sự có đức, có tài, liêm chính, tâm huyết; thật sự vì nước, vì dân vào các vị trí lãnh đạo, quản lý. Thực hiện tốt, kịp thời công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình mới.

(5) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đối với công tác kiểm tra, giám sát; ứng dụng công nghệ thông tin; đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát toàn khóa, hằng năm có trọng tâm, trọng điểm. Kiểm tra, giám sát thường xuyên, toàn diện, khách quan, công khai, dân chủ, thận trọng và chặt chẽ, tập trung ở những địa bàn, lĩnh vực có vấn đề dư luận quan tâm, dễ phát sinh tiêu cực.

(6) Đổi mới công tác dân vận, thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức công tác dân vận theo hướng gần dân, sát dân, hiệu quả; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của hệ thống chính trị về phát huy vai trò, quyền làm chủ của Nhân dân trong xây dựng Đảng, chính quyền. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; đẩy mạnh giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng chính sách, pháp luật.

Nâng cao chất lượng phong trào “Dân vận khéo”, xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu. Quan tâm đào tạo, bố trí đội ngũ cán bộ dân vận tinh gọn, đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới.

(7) Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở các cấp, các ngành, trong đó đề cao vai trò của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp; tăng cường công tác phòng ngừa, xây dựng văn hóa liêm chính, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Tiếp tục giám sát, làm rõ nguyên nhân để có hướng xử lý các công trình, dự án chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài, hiệu quả thấp, có nguy cơ gây thất thoát, lãng phí; đồng thời áp dụng đồng bộ các biện pháp, xử lý nghiêm sai phạm (nếu có), xem xử lý về hình sự là biện pháp cuối cùng.

(8) Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, quản trị

Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng; tăng cường tính chủ động, sáng tạo của các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên. Khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực thi công vụ phụng sự.

Phát huy vai trò, trách nhiệm, tính chủ động của người đứng đầu. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện chống tha hóa quyền lực.

1.3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả, tính chuyên nghiệp, hiện đại của quản lý nhà nước

(1) Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

Tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị các cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; gắn với sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tinh giản biên chế đúng quy định và phù hợp với mô hình chính quyền hai cấp, bảo đảm thuận lợi trong chỉ đạo, điều hành và phục vụ Nhân dân. Lãnh đạo, tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, xác định rõ trách nhiệm, bảo đảm minh bạch trong tổ chức và hoạt động. Quyết liệt cải cách hành chính, đổi mới lề lối làm việc, đẩy nhanh chuyển đổi số trong quản trị công vụ, nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp xã - nơi trực tiếp tiếp xúc và phục vụ người dân.

(2) Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và cải cách tư pháp

Tiếp tục kiện toàn tổ chức thanh tra các cấp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ và đầu tư công. Tăng cường tiếp công dân định kỳ và đột xuất của người đứng đầu, đẩy mạnh đối thoại, giải quyết dứt điểm các vụ việc phức tạp, kéo dài. Ứng dụng công nghệ số trong quản lý, số hóa hồ sơ, minh bạch thông tin phục vụ người dân.

Kiến toàn tổ chức bộ máy tư pháp theo hướng tinh gọn, đồng bộ, phù hợp với địa bàn hành chính mới.

2. Phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường

2.1. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách ưu tiên thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững

(1) Xây dựng và thực hiện tốt cơ chế chính sách, tạo đột phá trong huy động nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

Vận dụng có hiệu quả cơ chế, chính sách của Trung ương; triển khai thực hiện hiệu quả công tác xây dựng và thi hành pháp luật tạo môi trường đầu tư kinh doanh hấp dẫn, thuận lợi, đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư, thúc đẩy cơ cấu lại kinh tế, đạt mục tiêu tăng trưởng hai con số.

(2) Đẩy mạnh công tác lập và phê duyệt các quy hoạch để phát triển kinh tế nhanh và bền vững

Tập trung tối đa nguồn lực nhằm rà soát, cập nhật và hoàn thiện hệ thống quy hoạch theo hướng đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch quốc gia, Quy hoạch vùng và Quy hoạch tỉnh, đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển dài hạn.

2.2. Cơ cấu lại nền kinh tế trên cơ sở phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh sẵn có; đồng thời xác lập mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững dựa vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng nhất cho tăng trưởng, thúc đẩy liên kết để phát triển

(1) Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với xác lập mô hình tăng trưởng mới

Thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ, giải pháp để đến năm 2030 cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và giảm khu vực nông nghiệp.

Khai thác thủy sản vùng khơi hiệu quả, bền vững; tổ chức lại hoạt động khai thác vùng ven bờ và khai thác thủy sản nội địa.

Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành công nghiệp giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035.

(2) Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế biên mậu

Tăng cường kết nối hạ tầng giao thông, mở thêm cửa khẩu, tạo động lực thúc đẩy kết nối với Campuchia, mở rộng không gian phát triển kinh tế, góp phần sớm đạt mục tiêu thương mại song phương giữa Việt Nam với Cam-pu-chia đạt 15 tỉ đô la Mỹ trong những năm tới.

(3) Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển

Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án phát triển An Giang thành trung tâm kinh tế biển mạnh quốc gia. Xây dựng trung tâm nghề cá lớn, trung tâm đầu mối gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản khu vực ven biển, hình thành trung tâm nghiên cứu đa dạng sinh học tại Phú Quốc. Triển khai thực hiện tốt Quy hoạch không gian biển quốc gia, phát triển mạnh các ngành kinh tế biển.

Phát huy thế mạnh về biển bồi để thực hiện các công trình, dự án lấn biển tạo quỹ đất phát triển đô thị hướng biển.

(4) Phát triển kinh tế tư nhân

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, bảo đảm trong toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị nhận thức được đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất trong nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn và bền vững.

(5) Đầu tư hạ tầng, đẩy mạnh liên kết vùng, hợp tác giữa các địa phương để phát triển kinh tế - xã hội

Kiến nghị Trung ương đầu tư các tuyến giao thông kết nối trọng điểm, thúc đẩy liên kết vùng; đồng thời huy động, khơi thông các nguồn lực theo hướng “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư” để triển khai các công trình, dự án hạ tầng trọng điểm kết nối vùng và liên vùng, tạo không gian phát triển mới; ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu thúc đẩy kinh tế - xã hội, phục vụ dân sinh, các công trình nhà ở xã hội. Chú trọng hạ tầng phòng, chống biến đổi khí hậu, nước biển dâng, hạn mặn.

Phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, khu đô thị, khu du lịch... đảm bảo kết nối thông suốt, đồng bộ và liên kết vùng hiệu quả. Phát triển khu công nghệ số tập trung, hạ tầng số tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Phát triển bưu chính trở thành hạ tầng thiết yếu của nền kinh tế số và thương mại điện tử.

Đẩy mạnh liên kết thị trường, doanh nghiệp theo mô hình sản xuất mới, phát triển chuỗi giá trị sản phẩm đặc trưng, kết nối đầu tư - kinh doanh, thương mại, dịch vụ, thực hiện hiệu quả Quy hoạch vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và Quy hoạch tổng thể quốc gia.

2.3. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính để đột phá phát triển

(1) Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực then chốt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nhân tố quyết định nâng cao năng lực cạnh tranh

Đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với triển khai hiệu quả các chương trình, kế hoạch hành động của Trung ương và tỉnh; tập trung vào các ngành kinh tế trọng điểm như kinh tế biển, nông nghiệp, công nghiệp chế biến, dược liệu, thương mại - dịch vụ, du lịch và chuyển đổi số.

(2) Tăng cường ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu một trụ cột phát triển

Thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực kinh tế trọng điểm, tạo động lực chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, gắn với chuyển đổi số.

(3) Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu là một trụ cột phát triển

Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng khoa học công nghệ; xây dựng trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm tập trung; mở rộng phòng thí nghiệm trọng điểm phục vụ phân tích, kiểm nghiệm các mặt hàng chủ lực như lúa gạo, thủy sản, trái cây, dược liệu.

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện để hoàn thiện mô hình quản trị đô thị, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động trong y tế, giáo dục, quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội.

(4) Phát triển nhân lực chất lượng cao, trọng dụng nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng trung tâm đào tạo nguồn nhân lực phát triển kinh tế biên - biên giới.

Thu hút các nhà khoa học, các doanh nghiệp khoa học công nghệ đến làm việc, sinh sống tại An Giang để đưa tỉnh An Giang trở thành trung tâm khoa học công nghệ ứng dụng và đổi mới sáng tạo vùng Tây Nam bộ.

(5) Tăng cường hợp tác quốc tế trên lĩnh vực khoa học công nghệ và chuyển đổi số làm nền tảng cho mô hình phát triển kinh tế

Tập trung đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các địa phương, quốc gia có trình độ khoa học công nghệ, chuyển đổi số phát triển, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn và các công nghệ chiến lược khác. Có chính sách mua, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện của tỉnh.

2.4. Thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu

Triển khai các chương trình, đề án phòng, chống suy giảm đa dạng sinh học; bảo tồn, phục hồi hệ sinh thái, nâng cao độ che phủ và chất lượng rừng; bảo vệ giống loài, nguồn gen, bảo đảm an toàn sinh học.

Tăng cường công tác quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường, ngăn chặn ô nhiễm, suy thoái đa dạng sinh học; quyết tâm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường. Khẩn trương triển khai các dự án xử lý rác thải, nước thải, cấp nước sạch tại đặc khu Phú Quốc và các đô thị lớn, đảm bảo tiêu chí “sáng, xanh, sạch, đẹp”.

3. Phát triển văn hóa, xã hội, con người

3.1. Phát huy mạnh mẽ giá trị truyền thống, văn hóa, con người An Giang trong giai đoạn mới

(1) Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách về văn hóa, giáo dục và đào tạo, y tế, tạo động lực mới, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

Xây dựng, hoàn thiện và thực thi có hiệu quả các chính sách phát triển văn hóa, để văn hóa thực sự là mục tiêu, nguồn lực nội sinh, động lực để tỉnh An Giang phát triển hài hòa; xây dựng các thiết chế văn hóa, thể dục, thể thao đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần của người dân.

(2) Xây dựng và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống; xây dựng môi trường văn hóa cơ sở, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh trong xã hội, gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch

Xây dựng văn hóa, con người An Giang thống nhất trong đa dạng; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch, tạo sinh kế, góp phần xóa đói, giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc, miền núi, cộng đồng dân cư ven biển và các đảo.

Bảo tồn, khai thác hiệu quả giá trị các di sản văn hóa, nhất là Miếu Bà Chúa Xứ và văn hóa Óc Eo - Ba Thê; các lễ hội truyền thống tiêu biểu như Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực, đua bò Bảy Núi, kênh Vĩnh Tế, lễ hội Ok Om Bok,... ngày hội văn hóa dân tộc Chăm, Khmer, cùng các khu di tích lịch sử đặc biệt phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

(3) Xây dựng và phát triển văn hóa, con người An Giang toàn diện, phù hợp với xu thế thời đại

Phát huy đặc trưng văn hóa vùng sông nước của tỉnh, xây dựng thể hệ nông dân chuyên nghiệp với tư duy kinh tế, tinh thần hợp tác và khả năng ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề đáp ứng nhu cầu cơ cấu lại kinh tế của tỉnh. Đẩy mạnh phát triển đội ngũ doanh nhân cả về số lượng và chất lượng, góp phần thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Xây dựng đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong nền kinh tế tri thức. Hình thành đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm, gương mẫu, dám đổi mới, sáng tạo, sẵn sàng đương đầu với thách thức và hành động vì lợi ích chung, đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới.

(4) Đẩy mạnh đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao làm nền tảng cho phát triển công nghiệp văn hóa

Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở; tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử, các thiết chế văn hóa; xây dựng không gian văn hóa ở các địa bàn trung tâm; xây dựng, hoàn thiện hệ giá trị văn hóa con người An Giang.

Đầu tư nâng cấp thiết chế văn hóa, thể thao, phát triển thể thao quần chúng và thành tích cao. Quản lý chặt chẽ dịch vụ văn hóa, thể thao, nâng cao chất lượng phong trào văn hóa, thể thao.

3.2. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Đổi mới căn bản, toàn diện, hiệu quả giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng nhân lực chất lượng cao. Đầu tư

phát triển mạng lưới cơ sở, bảo đảm đủ trường, lớp học và nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học, bậc học. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 3 - 5 tuổi và giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; có 69,5% người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương; có 50% người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông. Khuyến khích phát triển các mô hình trường học số, trường học thông minh; xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời.

Sắp xếp mạng lưới trường, lớp phù hợp; khuyến khích mô hình trường học số, thông minh; nâng cao chất lượng trường chuẩn quốc gia, chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo. Đặc biệt lưu ý đầu tư cho giáo dục tại các địa bàn các đảo như Thổ Châu, quần đảo Tiên Hải và các xã biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

3.3. Quan tâm chăm sóc sức khỏe Nhân dân; bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, an ninh con người

(1) Quan tâm chăm sóc sức khỏe Nhân dân, đẩy mạnh đầu tư hạ tầng y tế

Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 – 2030; xây dựng khung chính sách quốc gia về già hóa dân số. Thay đổi mạnh mẽ trong nhận thức và hành động; đồng thời, đổi mới toàn diện với các giải pháp đột phá để hướng đến mục tiêu mọi người dân đều được chăm sóc sức khỏe, sống lâu, sống khỏe, sống lành mạnh, nâng cao thể chất, ý thức bảo vệ sức khỏe và chủ động phòng ngừa bệnh tật trong toàn xã hội. Phấn đấu tăng chiều cao trung bình của trẻ em và thanh niên từ 1 đến 18 tuổi thêm tối thiểu 1,5 cm. Thực hiện tiêm chủng các vắc-xin trong Chương trình tiêm chủng thiết yếu đạt trên 95%.

Phát triển hệ thống y tế hiện đại, kết hợp hài hòa giữa chăm sóc sức khỏe ban đầu với y tế chuyên khoa, chuyên sâu; giữa phòng bệnh với khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng; giữa y học cổ truyền với y học hiện đại.

Quy hoạch, đào tạo đội ngũ cán bộ y tế có chuyên môn, y đức. Tăng cường chăm sóc sức khỏe ban đầu, mở rộng bảo hiểm y tế; phát triển các cơ sở khám chữa bệnh chuyên khoa sâu và tuyến y tế cơ sở, nâng cao chất lượng phục vụ, xây dựng cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp, thân thiện môi trường.

(2) Thực hiện bảo đảm an sinh xã hội, an ninh con người, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người dân

Tăng cường các chính sách an sinh xã hội, chính sách giảm nghèo đa chiều bền vững, chính sách cho người có công, gia đình chính sách theo hướng toàn diện, bao trùm theo quan điểm chỉ đạo “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Thúc đẩy xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ; phát triển thị trường lao động theo hướng hiện đại, hiệu quả, chú trọng đào tạo nghề, giải quyết việc làm tại chỗ và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài để nâng cao tay nghề, nâng cao chất lượng lao động qua đào tạo.

4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

4.1. Tăng cường xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh; bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, biển đảo, an ninh biên giới quốc gia

Xây dựng tỉnh là khu vực phòng thủ chiến lược vững chắc của đất nước; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh và mở rộng hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu đầu tư, xây dựng các công trình lưỡng dụng phục vụ phát triển kinh tế kết hợp phục vụ quốc phòng, an ninh khi cần thiết. Đặc biệt phải thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chuẩn bị Hội nghị APEC - 2027.

Chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo đúng tình hình, xử lý kịp thời các tình huống về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ, hình thành “điểm nóng”, phức tạp về an ninh, trật tự; ngăn ngừa các nguy cơ mất an ninh, trật tự từ sớm, từ xa; giữ vững ổn định chính trị, xã hội, không để xảy ra bạo loạn, khủng bố; bảo đảm an ninh thông tin, an ninh mạng; ứng phó kịp thời, hiệu quả thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Tích cực đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn giao thông, phòng, chống cháy, nổ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự xã hội; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh.

4.2. Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế

Duy trì, phát triển quan hệ hữu nghị với địa phương các nước bạn đã ký kết, hợp tác. Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại trên cả ba trụ cột đối ngoại của cấp ủy đảng, ngoại giao chính quyền và đối ngoại nhân dân. Thực hiện tốt công tác bảo hộ công dân, công tác biên giới lãnh thổ, công tác ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Với quyết tâm chính trị và những động lực, lợi thế mới, không gian phát triển mới, phát huy sức sáng tạo, sức mạnh đại đoàn kết, với phương châm “*Một An Giang - Một tầm nhìn - Một ý chí - Một niềm tin thắng lợi*”, Đảng bộ, chính quyền, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp, doanh nhân và nhân dân tỉnh An Giang đồng lòng, chung sức, nỗ lực phấn đấu, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra, đưa An Giang phát triển nhanh, hài hòa, bền vững, vươn lên cùng cả nước trong kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.
